

UBND TỈNH NINH THUẬN  
CÔNG TY TNHH MTV  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93/CTKTTL-TCHC  
Về việc Công bố thông tin theo  
Nghị định số 81/2015/NĐ-CP

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

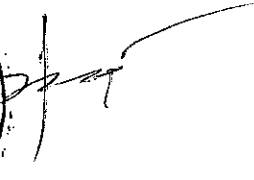
Thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP, ngày 18/9/2015 của Chính phủ về việc Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Nay, Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán để công bố theo quy định.

Vậy, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận báo cáo để Bộ Kế hoạch và Đầu tư được biết./.

Nơi nhận: *nghe*

- Như trên;
- UBND tỉnh Ninh Thuận (Thay b/c);
- Sở Thông tin và truyền thông tỉnh (Để công bố);
- Sở Tài chính tỉnh (Thay b/c);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên;
- Ban Giám đốc;
- Cổng thông tin điện tử Công ty (khaithacthuyloininhthuan.com.vn);
- Email: info@business.gov.vn;
- Lưu: VT, TCHC. NTLH

KT. GIÁM ĐỐC  
~~PHÓ GIÁM ĐỐC~~  
  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI NINH THUẬN  
M.S.Đ.N. 4501000000  
T. PH. RANG - T. CH. M - T. NINH THUAN

Hoàng Văn Hùng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020**  
**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH**  
**THỦY LỢI NINH THUẬN**

*Đã được kiểm toán bởi*

*Công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt - Chi Nhánh Tại Thành Phố Hồ Chí Minh*

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020	11 – 39

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2020 của Công ty.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp, Mã số doanh nghiệp 4500140073, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12 tháng 11 năm 2020.

**Vốn điều lệ** : 1.729.907.238.845 Đồng

**Chủ sở hữu** : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận

**Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:** Hoạt động thủy lợi công ích và ngoài công ích

### **Trụ sở chính**

**Địa chỉ** : 144 Đường 21 tháng 8, Phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

**Điện thoại** : (0259) 3823 338

**Fax** : (0259) 3825 500

**Mã số DN** : 4 5 0 0 1 4 0 0 7 3

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Công ty, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

#### **Chủ tịch Công ty**

#### **Ngày bổ nhiệm – miễn nhiệm**

1. Ông Nguyễn Công Xung bổ nhiệm từ ngày 25/6/2020 (nhiệm kỳ 5 năm)
2. Ông Tạ Minh Nghĩa miễn nhiệm từ ngày 25/6/2020

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

---

## Ban Kiểm soát

1. Ông Đỗ Ngọc Thoại Kiểm soát viên chuyên trách
2. Bà Trần Thị Phước Tuyên Kiểm soát viên không chuyên trách

## Ban Giám đốc

	Chức vụ	Ghi chú
1. Ông Hoàng Văn Hùng (*)	Phó Giám đốc phụ trách	bổ nhiệm từ ngày 01/11/2020
2. Ông Phạm Ngọt	Phó Giám đốc phụ trách	nghi hưu theo chế độ kể từ ngày 01/11/2020
3. Ông Lê Phạm Hòa Bình	Phó Giám đốc	

- (\*) Người đại diện theo pháp luật của công ty là Ông Hoàng Văn Hùng – Phó giám đốc phụ trách, theo văn bản số 4079/UBND-VXNV của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*Phân công Phó Giám đốc phụ trách Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận*”. Theo đó, Ông Hoàng Văn Hùng phụ trách điều hành hoạt động Công ty cho đến khi kiện toàn nhân sự chức danh Giám đốc Công ty (trước ngày 01/5/2021) theo quy định.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TPHCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2020 của Công ty.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2020 kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 39.

## *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế sẽ được phân phối theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Công ty hàng năm sau khi có Văn bản thống nhất thông qua phương án trích lập các quỹ của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

---

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- \* Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- \* Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- \* Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- \* Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- \* Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ cũng như các Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2020 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



---

**Phó Giám đốc phụ trách – Hoàng Văn Hùng**

TP. Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Số: 0308.04/2021/BCTC-NTV.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI  
NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ 2020 kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận, được lập ngày 20 tháng 3 tháng 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2020 kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2020 kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính đính kèm đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2021

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**  
**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**



**Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 1762-2018-124-1

**Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 4287-2018-124-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>38.603.166.957</b>	<b>60.384.297.029</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>30.529.597.673</b>	<b>49.626.578.843</b>
111	1. Tiền		5.529.597.673	1.626.578.843
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	48.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.202.555.655</b>	<b>10.643.050.687</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	3.919.335.200	10.385.891.780
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	3.061.425.308	35.672.123
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	221.795.147	221.486.784
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>120.679.976</b>	<b>57.039.976</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.5	120.679.976	57.039.976
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>750.333.653</b>	<b>57.627.523</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6	61.790.701	49.203.016
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	688.542.952	8.424.507
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.269.166.593.459</b>	<b>2.060.069.165.195</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>50.000.000</b>	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.8	50.000.000	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.268.656.001.865</b>	<b>2.059.809.424.805</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	2.268.656.001.865	2.059.809.424.805
222	- Nguyên giá		2.334.133.679.078	2.124.350.722.375
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.477.677.213)	(64.541.297.570)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>108.714.246</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	108.714.246	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>351.877.348</b>	<b>259.740.390</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	351.877.348	259.740.390
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.307.769.760.416</b>	<b>2.120.453.462.224</b>

BẢNG  
 NGT  
 ẾM  
 T  
 NI  
 HAI  
 CHỈ  
 P.H

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>22.184.555.217</b>	<b>33.174.920.023</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>22.184.555.217</b>	<b>33.174.920.023</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	17.629.594.228	7.081.183.058
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	247.927.676	1.017.295.142
314	3. Phải trả người lao động		-	3.823.890.031
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	1.871.207.332	19.674.011.527
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	394.677.219	1.081.805.651
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	2.041.148.762	496.734.614
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>400</b>	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.17	<b>2.285.585.205.199</b>	<b>2.087.278.542.201</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.283.092.290.392</b>	<b>2.087.278.542.201</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.17.1	2.272.026.317.216	2.068.288.720.920
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.17.2	6.384.010.335	994.921.818
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.17.3	4.650.691.769	17.963.628.391
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	4.864.188.313
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.650.691.769	13.099.440.078
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.17.4	31.271.072	31.271.072
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>2.492.914.807</b>	<b>-</b>
431	1. Nguồn kinh phí	V.17.5	2.492.914.807	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.307.769.760.416</b>	<b>2.120.453.462.224</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

**Võ Phạm Bảo Thu**

Kế toán trưởng

**Lê Phước**

Phó Giám đốc phụ trách



**Hoàng Văn Hùng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2020

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	68.089.907.318	81.036.721.767
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.089.907.318	81.036.721.767
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.19	58.854.709.925	62.664.506.278
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.235.197.393	18.372.215.489
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	2.067.663.470	2.017.431.413
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.21	5.804.155.843	5.693.707.967
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.498.705.020	14.695.938.935
31	11. Thu nhập khác	VI.22	24.280.340	341.837.114
32	12. Chi phí khác	VI.23	367.448.838	36.395.483
40	13. Lợi nhuận khác		(343.168.498)	305.441.631
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.155.536.522	15.001.380.566
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.24	504.844.753	1.901.940.488
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		4.650.691.769	13.099.440.078

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách



Võ Phạm Bảo Thu



Lê Phước



Hoàng Văn Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

DVT: Đồng

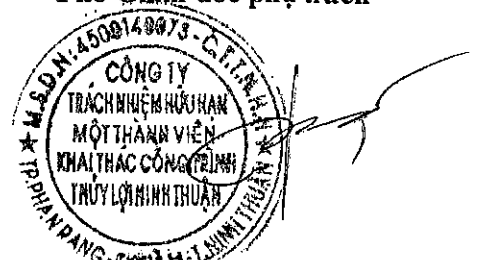
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		75.499.062.404	83.235.323.100
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(46.978.105.241)	(31.844.800.749)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(24.088.574.862)	(19.323.968.715)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(1.379.211.067)	(850.000.000)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.922.487.939	17.421.518.293
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.944.354.594)	(23.757.248.700)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(7.968.695.421)</b>	<b>24.880.823.229</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.314.890.083)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		700.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(50.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	50.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.113.145.663	1.884.190.317
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.251.044.420)</b>	<b>1.934.190.317</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17.3	(8.877.241.329)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(8.877.241.329)</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(19.096.981.170)</b>	<b>26.815.013.546</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	V.1	<b>49.626.578.843</b>	<b>22.811.565.297</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>30.529.597.673</b>	<b>49.626.578.843</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc phụ trách



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Hoàng Văn Hùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

**Lĩnh vực hoạt động** : Công ích, ngoài công ích và Dịch vụ

**Ngành nghề kinh doanh** :

Công ty đang thực hiện các hoạt động chính như sau:

\* **Hoạt động công ích**

- Quản lý khai thác các công trình thủy lợi;
- Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt.

\* **Hoạt động ngoài công ích**

- Thi công sửa chữa, xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng; Tổ chức đội thi công thực hiện tu bổ, sửa chữa thường xuyên, cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi bằng nguồn vốn thủy lợi phí hoặc ngân sách cấp theo kế hoạch hàng năm;
- Thiết kế các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có quy mô vừa, nhỏ; Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi;
- Cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ ngoài công ích.

### Cấu trúc Công ty

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Chủ tịch Công ty.

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm có Chủ tịch công ty, Ban giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kiểm soát viên không chuyên trách; 01 bộ phận Khối văn phòng gồm 04 phòng chuyên môn; 01 Ban kiểm soát nội bộ; 07 đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn 7 Huyện, Thành phố thực hiện quản lý điều tiết cung cấp nước phục vụ dân sinh kinh tế trên địa bàn trong và ngoài Tỉnh Ninh Thuận.

038  
CÔNG  
KIỂM  
ÁNH  
CHI  
H TH  
TỔ C  
- 77

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

---

Các Trạm thủy nông là đơn vị phụ thuộc Công ty, bao gồm:

**1. Trạm Thủy nông Ninh Phước**

- Địa chỉ: Khu phố 5, Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0001

**2. Trạm Thủy nông Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm**

- Địa chỉ: Số 28, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Mỹ Bình, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0002

**3. Trạm Thủy nông Thuận Bắc**

- Địa chỉ: Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0003

**4. Trạm Thủy nông Ninh Sơn**

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0004

**5. Trạm Thủy nông Ninh Hải**

- Địa chỉ: Thôn Gò Sạn, Xã Bắc Phong, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0005

**6. Trạm Thủy nông Bác Ái**

- Địa chỉ: Xã Phước Đại, Huyện Bác Ái, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0006

**7. Trạm Thủy nông Thuận Nam**

- Địa chỉ: Xã Phước Nam, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận
- Mã số địa điểm 0007

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

### **Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

1/2/11  
16  
1/2/11

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Riêng TSCĐ là các hệ thống công trình hồ, đập, kênh mương... Công ty đã quản lý và tính hao mòn theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.



Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc và thiết bị	10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10
- Tài sản cố định khác	5 – 10
- Các Công trình thủy lợi: Hồ đập, đê, kênh...	Không khấu hao

#### **6. Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **7. Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

#### **8. Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc nhà thầu nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2020

### 9. **Vốn chủ sở hữu**

#### ❖ **Vốn góp của chủ sở hữu**

Là số vốn đầu tư của Nhà nước.

#### ❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 10. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ (Quỹ Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi; Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý) được trích lập và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của Chủ tịch Công ty hàng năm sau khi có Văn bản thống nhất thông qua phương án trích lập các quỹ của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

### 11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

#### ❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi gồm:**

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được Nhà nước hỗ trợ là khoản doanh thu được ngân sách cấp hỗ trợ do việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích cho các đối tượng được thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt quyết toán diện tích và kinh phí được dựa trên cơ sở nghiệm thu diện tích thực tế mà Công ty cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thuộc diện không được Nhà nước hỗ trợ là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước phục vụ sản xuất nông nghiệp với các tổ chức hợp tác dùng nước không thuộc đối tượng được Nhà nước hỗ trợ.

❖ **Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác**

Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là việc cung cấp nước thô cho nhà máy nước sinh hoạt sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất nước công nghiệp là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán theo biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể.
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**13. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**ĐVT: Đồng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	160.457.808	169.701.652
- Tiền gửi ngân hàng	5.369.139.865	1.456.877.191
- Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	48.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.529.597.673</u></b>	<b><u>49.626.578.843</u></b>

(\*) Tương đương tiền cuối năm là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 3%/năm đến 4.8%/năm, nhận lãi khi đáo hạn.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận (*)	2.542.409.000	8.480.678.000
- Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	1.343.911.500	1.395.000.000
- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	-	480.618.900
- Các đối tượng khác	33.014.700	29.594.880
<b>Cộng</b>	<b><u>3.919.335.200</u></b>	<b><u>10.385.891.780</u></b>

(\*) Khoản tiền cấp bù do miễn thủy lợi phí nay gọi là kinh phí được hỗ trợ từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi công ích trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận do Ngân sách Trung ương cấp thông qua cơ quan đại diện quản lý tài chính tại địa phương là Sở tài chính tỉnh Ninh Thuận.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng An Nguyên	1.283.700.000	-
- Công ty TNHH Ninh Phát	273.999.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thắng Lợi	260.600.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quảng Thịnh Phát	244.256.453	-
- DNTN Xây dựng và Thương mại Trúc Lâm	240.800.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	237.727.642	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Dũng	216.200.000	13.167.765
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	10.890.000	10.890.000
- Công ty CP thiết kế và xây dựng DCJ	-	11.404.462
- Các khoản trả trước khác	293.252.213	209.896
<b>Cộng</b>	<b>3.061.425.308</b>	<b>35.672.123</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

- Tạm ứng của người lao động	64.140.000	64.500.000
- Tiền lương của người quản lý Công ty đã chi vượt so với quỹ lương được duyệt	70.570.215	-
- Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	87.084.932	133.241.096
- Các khoản phải thu khác	-	23.745.688
<b>Cộng</b>	<b>221.795.147</b>	<b>221.486.784</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

5. **Hàng tồn kho** **120.679.976** **57.039.976**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ là nguyên vật liệu dùng sửa chữa, bảo trì công trình thủy lợi.

6. **Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	49.203.016	53.123.334
- Tăng trong năm	114.880.400	85.605.400
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(102.292.715)	(89.525.718)
<b>Số cuối năm</b>	<b>61.790.701</b>	<b>49.203.016</b>

7. **Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế Thu nhập cá nhân	20.248.016	8.424.507
- Lợi nhuận sau thuế tạm nộp ngân sách Nhà nước	668.294.936	-
<b>Cộng</b>	<b>688.542.952</b>	<b>8.424.507</b>

8. **Phải thu về cho vay dài hạn** **50.000.000** -

Khoản cho vay không tính lãi nhóm công nhân viên quản lý Kênh Chính Tây (đại diện là Ông La Xuân Thọ) để thực hiện dự án nuôi bò. Thời hạn vay là 24 tháng.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2020

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (**)	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá								
- Số đầu năm		25.386.725.349	806.040.281	2.189.277.792	554.540.400	2.095.336.138.553	78.000.000	2.124.350.722.375
- Mua trong năm		-	-	-	176.700.000	-	90.000.000	266.700.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành		1.757.965.737	-	-	-	4.265.194.670	-	6.023.160.407
- Tăng khác (*)		-	-	-	-	203.737.596.296	-	203.737.596.296
- Thanh lý, nhượng bán		-	(69.830.000)	-	(174.670.000)	-	-	(244.500.000)
- Số cuối năm		27.144.691.086	736.210.281	2.189.277.792	556.570.400	2.303.338.929.519	168.000.000	2.334.133.679.078
Giá trị hao mòn								
- Số đầu năm		10.094.198.468	481.349.984	2.162.610.792	535.940.399	51.211.197.927	56.000.000	64.541.297.570
- Khấu hao trong năm		1.068.179.881	35.452.204	26.667.000	40.705.558	-	9.875.000	1.180.879.643
- Thanh lý, nhượng bán		-	(69.830.000)	-	(174.670.000)	-	-	(244.500.000)
- Số cuối năm		11.162.378.349	446.972.188	2.189.277.792	401.975.957	51.211.197.927	65.875.000	65.477.677.213
Giá trị còn lại								
- Tại ngày đầu năm		15.292.526.881	324.690.297	26.667.000	18.600.001	2.044.124.940.626	22.000.000	2.059.809.424.805
- Tại ngày cuối năm		15.982.312.737	289.238.093	-	154.594.443	2.252.127.731.592	102.125.000	2.268.656.001.865
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng								
- Tại ngày đầu năm		380.113.798	370.082.855	1.119.277.792	385.170.400	-	-	2.254.644.845
- Tại ngày cuối năm		380.113.798	300.252.855	1.119.277.792	217.200.400	-	38.000.000	2.054.844.845





**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Viện đào tạo và ứng dụng miền trung	1.327.503.507	922.737.081
- Công ty TNHH Xây dựng Đức Nguyên Tài	906.143.636	17.848.000
- Công ty TNHH Thương mại và XD Tân Phát	837.841.385	158.585.569
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Sơn Trà Ninh Thuận	746.855.469	-
- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	680.659.080	677.530.444
- Công ty TNHH Xây dựng TBT	596.586.193	-
- Phùng Đình Thanh	591.252.000	149.540.000
- Chi nhánh Miền Trung - Công ty TNHH Tư vấn Trường đại học Thủy Lợi	575.494.148	23.968.186
- Công ty TNHH Đạt Thịnh Thành	522.978.743	730.111.003
- Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Kiên Nam Việt	507.833.111	-
- Công ty TNHH Châu An	469.008.221	71.757.000
- Công ty TNHH Đầu tư XD Khải Hoàn Ninh Thuận	467.620.735	-
- Công ty TNHH Tư vấn Giám sát XD An Phú Gia	435.305.000	-
- Công ty TNHH Phú Bình	410.325.454	47.991.053
- Công ty TNHH Ninh Phát	389.081.060	-
- Nguyễn Vĩnh Phúc	373.750.340	88.515.026
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng CIC	369.785.746	456.042.930
- Công ty TNHH Kiểm toán Phương Đông	365.850.313	-
- Công ty TNHH Tư vấn XD An Lộc Ninh Thuận	353.881.433	173.423.177
- Công ty TNHH Long Vịnh	346.418.000	64.212.158
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	345.305.343	75.807.135

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

---

- Dương Văn Vĩnh	308.732.830	291.961.370
- Công ty TNHH Đông Hưng Ninh Thuận	305.847.417	-
- Công ty TNHH Huy An	300.441.034	-
- Công ty TNHH TM và Đầu tư XD Minh Huy	300.115.088	13.021.669
- Công ty TNHH Xây dựng An Nguyên	267.823.295	1.162.675
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Trung Thuận Phát	257.596.716	314.298.493
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Danh	255.396.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Long Thuận	232.656.500	-
- Phùng Quốc Trung	213.147.212	345.201.500
- Công ty TNHH TM Khang Thịnh Ninh Thuận	208.111.900	25.280.000
- Phạm Diệp Hòa	188.382.105	130.354.784
- Công ty TNHH TM và Xây dựng Đức Tâm	185.448.000	-
- Công ty CPTVĐT và XD Sao Mai ARCH	82.386.248	183.195.586
- Nguyễn Đại Nghĩa	51.652.629	191.403.196
- Công ty TNHH Xây dựng Quảng Thịnh Phát	-	841.957.347
- Nguyễn Văn Bội	-	301.521.434
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.852.378.337	783.756.242
<b>Cộng</b>	<b>17.629.594.228</b>	<b>7.081.183.058</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	91.751.615	942.662.142	871.797.034	162.616.723
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	879.211.067	504.844.753	1.379.211.067	4.844.753
- Thuế Thu nhập cá nhân	(8.424.507)	51.014.342	62.837.851	(20.248.016)
- Thuế Tài nguyên	46.332.460	455.071.590	420.937.850	80.466.200
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	106.738.488	106.738.488	-
- Các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước	-	8.570.761.260	9.239.056.196	(668.294.936)
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.008.870.635</b>	<b>10.634.092.575</b>	<b>12.083.578.486</b>	<b>(440.615.276)</b>
<i>Trong đó</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.017.295.142			247.927.676
- Thuế nộp thừa (*)	(8.424.507)			(688.542.952)

(\*) Tham chiếu thuyết minh số V.8

**Thuế Giá trị gia tăng**

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- + Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi : Không chịu thuế
- + Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác : 5%
- + Các hoạt động khác : 10%

### **Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm cả việc cung cấp cho các đối tượng được nhà nước hỗ trợ và không thuộc diện được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Đối với thu nhập từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác là cung cấp nước thô cho các nhà máy sản xuất nước sạch và phục vụ cho sản xuất khác, Công ty thực hiện tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định là 20%. Do không tách được chi phí từ việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức doanh thu đối với cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên Thu nhập tính thuế đối với các hoạt động khác.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 do doanh thu trong năm 2020 của Công ty đạt dưới 200 tỷ, theo quy định tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

### **Thuế Tài nguyên**

Thuế Tài nguyên được tính cho việc sử dụng nước thiên nhiên (nước mặt). Cách xác định thuế tài nguyên nước:

*Khối lượng nước sử dụng (m<sup>3</sup>) x Giá tính thuế x Thuế suất*

#### **❖ Giá tính thuế tài nguyên**

Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên là nước mặt (Áp dụng bảng quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 92/2017/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận).

Nước dùng cho sản xuất nước sạch : 2.000 đồng/m<sup>3</sup>

Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác: 3.000 đồng/m<sup>3</sup>

384  
ĐNGT  
GIẾM  
N T  
H N  
THAI  
CHÍ  
P H

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

---

❖ **Thuế suất thuế tài nguyên**

Nước dùng cho sản xuất nước sạch:	1%
Nước phục vụ sản xuất dùng cho các mục đích khác:	3%

**Tiền thuê đất**

- Tiền thuê đất phải nộp xác định theo Hợp đồng thuê đất số 17/KI//HĐ-TĐ ngày 28/11/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- Thông báo số 3241/TB-CT ngày 29/4/2020 của Chi cục thuế Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, theo đó tiền thuê đất Công ty phải nộp là 103.629.600 Đồng.

**Thuế Thu nhập cá nhân**

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

**Các loại thuế khác**

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phí kiểm toán báo cáo tài chính	36.300.000	36.300.000
- Trích trước chi phí tu sửa công trình	1.834.907.332	19.637.711.527
<b>Cộng</b>	<b>1.871.207.332</b>	<b>19.674.011.527</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5.306.200
- Thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách	-	13.191.144
- Công ty TNHH Đầu tư XD MK Việt Nam (*)	163.800.000	763.800.000
- Công ty TNHH Khang Thịnh Ninh Thuận (*)	82.400.000	82.400.000
- Công ty TNHH Long Vĩnh (*)	-	123.200.000
- Công ty TNHH An Nguyên (*)	40.600.000	-
- Hỗ trợ bồi thường do đường dây điện đi qua	85.483.800	85.483.800
- Thuế TNCN hoàn lại cho người lao động	22.393.419	8.424.507
<b>Cộng</b>	<b>394.677.219</b>	<b>1.081.805.651</b>

(\*) Chi phí bảo hành liên quan đến công trình đã thực hiện tu sửa được Công ty tạm giữ trong vòng 12 tháng, chưa thanh toán cho các đơn vị thi công.

**16. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận sau thuế (*)	Tăng khác (**)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ thưởng Khen	(499.403.557)	2.938.108.981	-	1.574.433.333	864.272.091
- Quỹ Phúc lợi	971.890.259	1.259.189.564	20.000.000	1.266.746.000	984.333.823
- Quỹ khen thưởng Người quản lý	24.247.912	168.294.936	-	-	192.542.848
<b>Cộng</b>	<b>496.734.614</b>	<b>4.365.593.481</b>	<b>20.000.000</b>	<b>2.841.179.333</b>	<b>2.041.148.762</b>

(\*) Tham chiếu thuyết minh số V.17.3

(\*\*) Kho bạc Nhà nước hoàn tiền ủng hộ Quỹ người nghèo năm 2020.

Quỹ khen thưởng Người quản lý, Công ty thực hiện chi khen thưởng từ nguồn được trích theo thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân loại đánh giá Người quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Ninh Thuận năm 2019.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2020

**17. Vốn chủ sở hữu**

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.087.278.542.201</b>	<b>213.777.376.582</b>	<b>17.963.628.391</b>	<b>2.283.092.290.392</b>
17.1	Vốn góp của chủ sở hữu	2.068.288.720.920	203.737.596.296	-	2.272.026.317.216
17.2	Quỹ đầu tư phát triển	994.921.818	5.389.088.517	-	6.384.010.335
17.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.963.628.391	4.650.691.769	17.963.628.391	4.650.691.769
17.4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	31.271.072	-	-	31.271.072
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>-</b>	<b>6.004.796.242</b>	<b>3.511.881.435</b>	<b>2.492.914.807</b>
17.5	Nguồn kinh phí	-	6.004.796.242	3.511.881.435	2.492.914.807
17.5.1	Chi sự nghiệp	-	-	3.511.881.435	(3.511.881.435)
17.5.2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	6.004.796.242	-	6.004.796.242
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.087.278.542.201</b>	<b>219.782.172.824</b>	<b>21.475.509.826</b>	<b>2.285.585.205.199</b>

**17.1 Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tăng tương ứng với những tài sản cố định được bàn giao từ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Công ty đang thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để quyết định điều chỉnh lại mức vốn điều lệ trên Giấy đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp như quy định tại Khoản 03, Điều 01, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

**17.2 Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế (thuyết minh số V.17.3)

**17.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	17.963.628.391	4.864.188.313
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(17.963.628.391)	-
+ Quỹ Đầu tư phát triển	(5.389.088.517)	-
+ Quỹ Khen thưởng	(2.938.108.981)	-
+ Quỹ Phúc lợi	(1.259.189.564)	-
+ Quỹ Khen thưởng Người quản lý	(168.294.936)	-
+ Lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước	(8.208.946.393)	-
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	-	4.864.188.313
- Lợi nhuận năm nay	4.650.691.769	13.099.440.078
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	<u>4.650.691.769</u>	<u>17.963.628.391</u>

Công ty phân phối lợi nhuận năm trước được thực hiện theo các Quyết định của Chủ tịch Công ty, cụ thể:

- Quyết định số 27/QĐ-CT ngày 13/02/2020 về việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2018.
- Quyết định số 118/QĐ-CT ngày 18/8/2020 về việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2019.



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

---

**17.5 Nguồn kinh phí**

**17.5.1 Chi sự nghiệp**

-	<b>Chi phí sự nghiệp đầu năm</b>	-
-	<b>Chi sự nghiệp phát sinh trong năm nay</b>	<b>(3.511.881.435)</b>
+	<i>Nạo vét kênh N1 và khai thông dòng chảy từ hồ Thành Sơn tiếp nước cho kênh Bắc, hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Hải</i>	986.149.135
+	<i>Nạo vét đoạn dẫn Lâm Cẩm từ đầu tuyến đến thượng lưu Cầu Báo, hệ thống thủy lợi Lâm Cẩm.</i>	574.758.230
+	<i>Nạo vét và tu sửa vai phải đập Ma Rong - thuộc hệ thống kênh tiêu Suối Sa, Ninh Phước</i>	620.318.393
+	<i>Nạo vét kênh chính Nam cũ và kênh Mương Âm - hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Phước</i>	389.077.958
+	<i>Nạo vét kênh Mần Mần đoạn từ hạ lưu quốc lộ 1A đến KC - hệ thống thủy sản Đầm Nai, huyện Ninh Hải</i>	539.824.931
+	<i>Nạo vét kênh Chà Là từ Cầu Đá Bạc cũ đến cuối tuyến TP.Phân Rang - Tháp Chàm</i>	401.752.788
-	<b>Chi phí sự nghiệp cuối năm</b>	<b>(3.511.881.435)</b>

384  
ĐNG  
GIEN  
N T  
HIT  
TH  
TGT  
TP

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2020

---

**17.5.2 Nguồn kinh phí sự nghiệp**

-	Nguồn kinh phí sự nghiệp đã được cấp đầu năm	-
-	Nguồn kinh phí được cấp trong năm	6.004.796.242
+	<i>Nạo vét kênh N1 và khai thông dòng chảy từ hồ Thành Sơn tiếp nước cho kênh Bắc, hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Hải</i>	976.440.202
+	<i>Nạo vét đoạn dẫn Lâm Cẩm từ đầu tuyến đến thượng lưu Cầu Bảo, hệ thống thủy lợi Lâm Cẩm, TP.Phan Rang - Tháp Chàm</i>	566.358.361
+	<i>Nạo vét và tu sửa vai phải đập Ma Rong - thuộc hệ thống kênh tiêu Suối Sa, Ninh Phước</i>	611.255.834
+	<i>Nạo vét kênh chính Nam cũ và kênh Muong Âm - hệ thống thủy lợi Nha Trinh, Ninh Phước</i>	383.407.232
+	<i>Nạo vét kênh Mần Mần đoạn từ hạ lưu quốc lộ 1A đến KC - hệ thống thủy sản Đầm Nai, huyện Ninh Hải</i>	534.235.656
+	<i>Nạo vét kênh Chà Là từ Cầu Đá Bạc cũ đến cuối tuyến TPPR-TC</i>	383.213.969
+	<i>Gia cố, nâng cấp lênh L4 đoạn từ K0+00-K0+500 thuộc kênh Nam – hệ thống thủy lợi Nha Trinh</i>	367.633.459
+	<i>Gia cố đập, kè bảo vệ bờ phải đập Tuấn Tú để ngăn mặn phục vụ chống hạn vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã An Hải, huyện Ninh Phước</i>	1.608.233.778
+	<i>Gia cố, nâng cấp kênh Giảng đoạn K2+334 – K2 +630 thuộc kênh Chàm, hệ thống thủy lợi Nha Trinh</i>	313.347.704
+	<i>Gia cố, nâng cấp kênh L1 đoạn K2+058,3 – K2+266 thuộc kênh Nam – hệ thống thủy lợi Nha Trinh, huyện Ninh Phước</i>	260.670.047
-	<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp đã được cấp cuối năm</b>	<b>6.004.796.242</b>

100  
 T N I  
 D A I  
 M  
 A N  
 H P  
 M H  
 100

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020**

	<b>ĐVT: Đồng</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu cung sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác	18.851.970.174	17.769.115.683
- Doanh thu phải thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	498.985.144	474.907.084
- Doanh thu được ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	48.738.952.000	62.792.699.000
<b>Cộng</b>	<b>68.089.907.318</b>	<b>81.036.721.767</b>
<b>19. Giá vốn hàng bán</b>	<b>58.854.709.925</b>	<b>62.664.506.278</b>
Giá vốn cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi.		
<b>20. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>2.067.663.470</b>	<b>2.017.431.413</b>
Lãi tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại.		
<b>21. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.555.418.070	3.258.062.716
- Chi phí vật liệu quản lý	99.965.136	97.266.951
- Chi phí đồ dùng văn phòng	150.840.820	196.617.073
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.924.875	288.537.985
- Thuế, phí và lệ phí	142.450.088	132.799.588
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	355.747.202	418.880.905
- Chi phí bằng tiền khác	1.268.809.652	1.301.542.749
<b>Cộng</b>	<b>5.804.155.843</b>	<b>5.693.707.967</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2020

**22. Thu nhập khác**

- Thu từ thanh lý tài sản	636.364	-
- Thu do điều chỉnh giảm chi phí phải trả các công trình năm trước theo quyết định phê duyệt quyết toán	15.820.764	338.066.800
- Thu nhập khác	7.823.212	3.770.314
<b>Cộng</b>	<b>24.280.340</b>	<b>341.837.114</b>

**23. Chi phí khác**

- Điều chỉnh quyết toán các công trình năm trước	-	36.070.789
- Các khoản bị phạt, chậm nộp	366.774.867	-
- Các khoản chi phí khác	673.971	324.694
<b>Cộng</b>	<b>367.448.838</b>	<b>36.395.483</b>

**24. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.155.536.522	15.001.380.566
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	2.413.845.530	20.103.360.112
+ Chi phí tu sửa công trình phát sinh trong năm	2.002.372.103	19.637.711.527
+ Các chi phí không được trừ khác	411.473.427	465.648.585
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.569.382.052	35.104.740.678
<i>Trong đó</i>		
+ Thu nhập được miễn thuế TNDN	3.963.348.104	25.595.038.238
+ Thu nhập từ hoạt động khác	3.606.033.948	9.509.702.440
- Thuế suất thuế TNDN (hoạt động khác)	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	721.206.790	1.901.940.488
- Thuế TNDN được giảm (*)	(216.362.037)	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>504.844.753</b>	<b>1.901.940.488</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

- (\*) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 do doanh thu trong năm 2020 của Công ty đạt dưới 200 tỷ, theo quy định tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

**25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.058.203.713	1.665.428.083
- Chi phí nhân công	31.569.166.713	30.674.002.458
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.180.879.643	1.247.197.750
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.564.240.280	29.641.326.114
- Chi phí khác bằng tiền	5.653.824.257	5.166.655.323
<b>Cộng</b>	<b>65.026.314.606</b>	<b>68.394.609.728</b>

**VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2020**

**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty đã ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở (thuyết minh số V.17.1) liên quan đến giá trị tài sản cố định được bàn giao từ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận 203.737.596.296 Đồng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các khoản kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi**

Trong năm 2020, Doanh thu được Nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi Công ty tính trên cơ sở các Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND Tỉnh Ninh Thuận phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi theo từng biện pháp tưới nước, tiêu nước theo từng hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý và Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày

102/c  
MÃ  
-C  
TÀI  
HỊ  
102/c

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

---

20/01/2021 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt quyết toán kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích cho Công ty năm 2020 là **48.738.952.000** Đồng.

❖ **Tình hình cấp kinh phí được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trong năm 2020**

- Số kinh phí hỗ trợ năm 2020 theo quyết toán	:	54.677.221.000 Đồng
Trong đó		
+ Số kinh phí được cấp theo dự toán năm 2020	:	46.196.543.000 Đồng
+ Số kinh phí cấp theo quyết toán năm 2019	:	8.480.678.000 Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ năm 2020 theo quyết toán	:	48.738.952.000 Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ được cấp năm 2020	:	46.196.543.000 Đồng
- Số kinh phí hỗ trợ của năm 2020 còn được cấp	:	<b>2.542.409.000</b> Đồng

**2. Thông tin về quỹ tiền lương 2020**

Việc quyết toán quỹ tiền lương của người quản lý và thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty căn cứ theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh Ninh Thuận thông qua theo Biên bản họp ngày 15/01/2021 và Văn bản số 422/UBND-TH ngày 27/01/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của người quản lý Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Công ty đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-CTKTTL ngày 29/01/2021 phê duyệt tổng quỹ lương thực hiện của người quản lý năm 2020 là **1.144.210.200** Đồng và tổng quỹ thù lao thực hiện của kiểm soát viên không chuyên trách năm 2020 là **37.698.560** Đồng.

Tiền lương của người lao động thực hiện theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo Biên bản họp ngày 15/01/2021; Căn cứ theo quyết định số 13/QĐ-CT ngày 29/01/2021 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt quyết toán tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2020 là **18.999.293.592** Đồng.

**3. Thông tin về khoản thu được ngân sách nhà nước cấp để thực hiện tu sửa các dự án, công trình trong năm 2020**

Công ty được UBND tỉnh giao vốn làm chủ đầu tư để thực hiện thi công tu sửa, nạo vét 06 công trình. Sau khi công trình nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng, Công ty tiếp tục thực hiện công tác quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng cơ bản.

Đối với nguồn vốn cấp qua kho bạc do Công ty làm chủ đầu tư là đơn vị trung gian để quản lý và thanh toán nguồn vốn cho các đơn vị thi công nên Công ty hạch toán thu chi theo số thực cấp trong năm tài chính năm 2020.

**4. Các công trình đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư phát triển và vốn khấu hao**

Trong năm 2020, Công ty đầu tư xây dựng tu sửa 14 công trình. Trong đó 10 công trình thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển, 08 công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng trong năm với tổng giá trị là 4.265.194.670 Đồng, 02 công trình chuyển sang năm 2021 thực hiện. Công ty đang trình chủ sở hữu là UBND Tỉnh Ninh Thuận phê duyệt bổ sung tăng vốn điều lệ.

Ngoài ra, có 04 công trình với tổng giá trị là 1.757.965.737 Đồng đầu tư từ nguồn vốn khấu hao được nghiệm thu đưa vào sử dụng trong năm 2020. Công ty ghi nhận tăng tài sản và quản lý theo dõi khấu hao và hao mòn theo quy định.

**5. Theo dõi hao mòn các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là các hồ, đập, kênh thủy lợi,..**

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi. Công ty không ghi sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết để báo cáo tình hình tăng giảm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền. Giá trị hao mòn các tài sản này tính đến ngày 31/12/2020 là 560.659.080.131 Đồng (thuyết minh số V.9)

**6. Văn bản pháp lý có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Các văn bản pháp luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2020 sau đây:

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.
- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.
- Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính Phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 (Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành)
- Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội ngày 02/6/2020 về việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.
- Thông tư số 65/2020/TT-BTC ngày 09/07/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí môn bài. Hiệu lực từ ngày 23/08/2020.
- Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.
- Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành về thuế và hóa đơn. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 12 năm 2020.
- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính ban hành về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020.



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2020

---

- Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019-2020.

Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, ngày 20 tháng 3 năm 2020

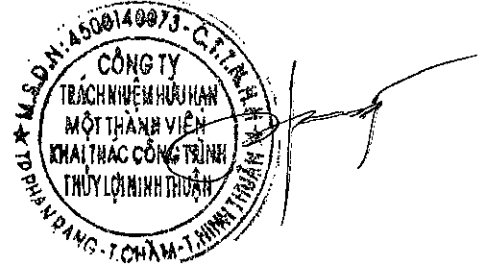
**Người lập biểu**

**Võ Phạm Bảo Thu**

**Kế toán trưởng**

**Lê Phước**

**Phó Giám đốc phụ trách**



**Hoàng Văn Hùng**

